

Số: 432/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 69/2014/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2014, về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Ngọc Thùy P, sinh năm 1990

Địa chỉ: 124/1 đường N, phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1978, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 17/8/2017.

Bị đơn: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1924 (chết ngày 22/10/2016)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đ gồm có:

1. Bà Phan Thị V, sinh năm 1941;

Địa chỉ: 56/2 Đường số 7, phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bà V: Bà Phan Thị L, sinh năm 1958, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 13/12/2016.

2. Bà Phan Thị V, sinh năm 1952, hộ chiếu số: N1480807;

3. Bà Phan Thị Ánh T, sinh năm 1960, hộ chiếu số: B6186466;

4. Ông Phan Dục V1, sinh năm 1953, hộ chiếu số: 453331318;

5. Ông Phan Văn Tứ H, sinh năm 1970, hộ chiếu số: N1465495;

Cùng cư trú: Hoa kỳ

Người đại diện hợp pháp của bà V, bà T, ông H, ông Phan Dục V1: Bà Phan Thị L, sinh năm 1958, là đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2016 tại Phòng Công chứng số 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Phan Văn M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 118 đường N, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Phan Thị Bạch M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 278 đường N, Phường 6, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông M, bà M: Bà Phan Thị L, sinh 1958. Là đại diện theo ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2016 tại Phòng Công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phan Thị L, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 290/8K (số mới là 467/125/2) đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Bạch Thiên N1, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bà N1: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1978, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/8/2017 do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu - xton Hoa kỳ chứng nhận ngày 21/8/2017.

2. Ngân hàng TMCP Đ

Địa chỉ: 290 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ: Ông Đinh Viết K, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 332/GUQ-BIDV.BSG ngày 22/4/2019.

3. Bà Phan Ngọc Quỳnh T1, sinh năm 1998

Địa chỉ: 9226 Delmont Park In. Houston, Texas, 77075, USA.

Người đại diện hợp pháp của bà T1: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1978, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/8/2017 do Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Hiu - xton Hoa kỳ chứng nhận ngày 21/8/2017.

4. Ông Nguyễn Hồng Ch, sinh năm 1961

Địa chỉ: 501/15 H đường T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của ông Ch: Ông Nguyễn Quang V1, sinh năm 1981, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 09/02/2018.

Địa chỉ: Xã Vĩnh Xuân, Huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định di sản của ông Phan Văn Biên Th để lại, bao gồm:

- Căn nhà số 118 đường N, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép công nhận quyền sở hữu số 2339/GCN-UB ngày 25/12/1989 của Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp đồng tặng cho số 09683/HĐ-TCN ngày 21/3/2002 do ông Phan Văn Đ và vợ là bà Trần Thị Y tặng cho ông Phan Văn Tứ H; Hợp đồng tặng cho số 1489/HĐ-TCN ngày 13/7/2006 do ông Phan Văn Tứ H tặng cho ông Phan Văn Biên Th, đã được đăng ký tại Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 03/8/2016.

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 7, diện tích 610.4m² tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 980508,

sổ vào sổ cấp GCN: CH 01442 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông Phan Văn Biên Th ngày 07/3/2012 .

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7, diện tích 3394,2m² tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 980510, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01441 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông Phan Văn Biên Th ngày 07/3/2012.

- Đồng đứng tên sở hữu chung với bà Lê Bạch Thiên N1 căn nhà 124/1 N, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 2114/2009/UB.GCN do Ủy ban nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Th và bà N1 ngày 08/12/2009.

2. Xác định ông Phan Văn Đ, bà Phan Ngọc Thùy P, bà Phan Ngọc Quỳnh T1 là những người thừa kế của ông Phan Văn Biên Th, mỗi người được hưởng thừa kế 1/3 di sản của ông Th.

3. Thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Phan Văn Biên Th chết để lại theo Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng mua bán nợ, Hợp đồng chuyển giao quyền, nghĩa vụ và sau khi cần trừ phần di sản mà các thừa kế được hưởng, các đương sự thỏa thuận như sau:

Bà Phan Ngọc Thùy P, bà Phan Ngọc Quỳnh T1 đồng ý để ông Nguyễn Hồng Ch giao thêm số tiền 1.700.000.000đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) cho bà Phan Thị L (là đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Đ tham gia tố tụng bao gồm các ông bà Phan Thị V, Phan Thị V, Phan Thị Ánh T, Phan Dục V1, Phan Văn Tứ H, Phan Văn M, Phan Thị Bạch M và Phan Thị L) để ông Ch được đứng tên sử dụng, sở hữu toàn bộ di sản của ông Th nêu trên, gồm:

- Căn nhà số 118 đường N, Phường 3, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1048, tờ bản đồ số 7, diện tích 610,4m² tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7, diện tích 3394,2m² tại xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Đồng đứng tên sở hữu chung với bà Lê Bạch Thiên N1 căn nhà số 124/1 N, Phường 4, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Hồng Ch có nghĩa vụ giao cho bà Phan Thị L đủ số tiền nêu trên vào ngày 25/4/2019.

Sau khi ông Nguyễn Hồng Ch giao cho bà Phan Thị L đủ số tiền nêu trên thì các thừa kế của ông Th và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Đ là các ông bà Phan Thị V, Phan Thị V, Phan Thị Ánh T, Phan Dục V1, Phan Văn Tứ H, Phan Văn M, Phan Thị Bạch M và Phan Thị L và bà Lê Thị Bạch Nga có trách nhiệm cùng ông Nguyễn Hồng Ch thực hiện thủ tục cho ông Nguyễn Hồng Ch đứng tên đối với di sản do ông Th để lại nêu trên. Nếu các đương sự không

cùng thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi, sang tên tài sản nêu trên cho ông Ch thì ông Ch được quyền liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên và đứng tên đối với di sản của ông Th theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng TMCP Đ không còn yêu cầu giải quyết đối với yêu cầu độc lập.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất chậm trả theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà P, bà T1, ông Đ (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của ông Đ là các ông bà Phan Thị V, Phan Thị V, Phan Thị Ánh T, Phan Dục V1, Phan Văn Tứ H, Phan Văn M, Phan Thị Bạch M và Phan Thị L) mỗi người chịu án phí tương ứng phần di sản còn lại được chia (1.700.000.000đồng chia cho ba người thừa kế, mỗi thừa kế được hưởng là 566.666.666đồng).

Bà P tự nguyện chịu toàn bộ án phí mà các thừa kế phải nộp, tổng cộng bà P phải nộp là 39.999.999đồng (Ba mươi chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 26.400.000đồng (hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 06555 ngày 26/02/2014 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P còn phải nộp thêm số tiền 13.599.999đồng (Mười ba triệu, năm trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Ông Nguyễn Hồng Ch chịu án phí là 31.500.000đồng (ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng) được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0044005 ngày 19/3/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ch còn phải nộp số tiền là 15.500.000đồng (mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 15.910.000đồng (mười lăm triệu chín trăm mười ngàn đồng) theo biên lai số 07458 ngày 11/9/2014 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phong